| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – H phúc** |

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Giang

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hợi
2. Ông Nguyễn Thái Học

***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Ông Tạ Xuân Trà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Không.

Ngày 30/9/2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Dương Văn B, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

*Bị đơn:* Anh Dương Minh G, sinh năm 1971 và chị Dương Thị H, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Dương Văn B trình bày:*

Anh và vợ chồng chị H, anh G trước đây có mối quan hệ quen biết nhau. Do đó vợ chồng anh G đã xuống nhà anh đặt vấn đề vay tiền để làm ăn và anh nhất trí giúp anh chị. Vào ngày 04/02/2021 anh đã cho vợ chồng anh G vay số tiền 20.000.000 đồng, anh đã đưa tiền và anh G là người viết giấy vay tiền. Nội dung giấy vay đã thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng và lãi

suất 1,5% tháng. Đối với khoản vay này anh chị G, H mới trả anh được 2.500.000 đồng tiền lãi, còn gốc chưa trả được đồng nào.

Tiếp tục đến ngày 08/01/2022 anh G lại vay nóng anh số tiền là 8.000.000 đồng, khi vay anh G có đưa cho anh một bìa đỏ mang tên Anh Dương Minh G để đảm bảo, có viết giấy vay, thỏa thuận về thời hạn thanh toán là ngày 16/12/2021 âm lịch sẽ trả, không thỏa thuận về lãi suất. Tổng cộng tiền nợ gốc vợ chồng anh G nợ anh là 28.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Đối với khoản vay 20.000.000 đồng kể từ ngày 04/02/2021 đến hết tháng 7 năm 2022, anh yêu cầu vợ chồng anh G trả anh số tiền lãi là 20.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 18 tháng là 5.400.000 đồng, vợ chồng anh G đã trả anh được số tiền lãi là 2.500.000 đồng, còn 2.900.000 đồng tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 19/7/2022 vợ chồng anh G trả anh được 15.000.000 đồng tiền gốc. Đối với khoản tiền vay 8.000.000 đồng anh không yêu cầu trả lãi.

Nay anh yêu cầu vợ chồng anh G, chị H phải trả anh số tiền nợ gốc còn lại là 13.000.000 đồng và tiền lãi là 2.900.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ anh B giao nộp cho Tòa án gồm: 01 (một) giấy vay tiền ngày 04/02/2021 có chữ ký xác nhận của người vay tiền là Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H và 01 (một) giấy vay tiền ngày 08/01/2022 có chữ ký xác nhận của người vay tiền là Anh Dương Minh G (đều là bản gốc), sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Anh Dương Văn B và căn cước công dân của anh B (Bản chứng thực), 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Minh G (bản chứng thực).

*Quá trình giải quyết bị đơn Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H thống nhất trình bày:*

Ngày 04/02/2021 hai vợ chồng anh chị có vay của anh B số tiền là 20.000.000 đồng, có viết giấy vay, anh G là người viết giấy, khi anh B giao tiền thì vợ chồng anh có ký nhận ở phần người vay. Thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 1,5 %/tháng. Đối với khoản vay này vợ chồng anh chưa trả được đồng tiền gốc nào, đã trả lãi cho anh B được 2.500.000 đồng.

Tiếp đến vào ngày 08/01/2022 anh G có vay anh B số tiền là 8.000.000 đồng, anh là người viết giấy vay, thỏa thuận vay nóng, không thảo thuận về lãi suất, anh B nói không cần trả lãi. Khi đó anh có đưa cho anh B 01 bìa đỏ gốc mang tên anh là Dương Minh G để làm tin.

Quá trình giải quyết vợ chồng anh chị xác định còn nợ anh B số tiền gốc là 28.000.000 đồng và nhất trí trả anh B số tiền lãi là 2.900.000 đồng và vào ngày 20/7/2022 vợ chồng anh sẽ cùng có trách nhiệm trả anh B đầy đủ, nhưng vợ chồng anh không nhất trí chịu án phí.

Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

**nhËn ®Þnh cña tßa ¸n:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh B khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn là anh G, chị H trả anh số tiền đã vay. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Dương Văn B khởi kiện vợ chồng Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H có địa chỉ tại: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, các bị đơn Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục phiên tòa đối với các bị đơn Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H nhưng anh G, chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H.

**[2] Về nội dung:**

*2.1. Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Hợp đồng vay tiền ngày 04/02/2021 có nội dung thể hiện: Ngày 04/02/2021 vợ chồng anh G, chị H có vay của Anh Dương Văn B số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1,5%/tháng. Anh G thừa nhận giấy vay ngày 04/02/2021 là do anh trực tiếp viết, vợ chồng nhận tiền và ký xác nhận phần người vay. Đối với khoản vay này vợ chồng anh G chưa trả được cho anh B khoản tiền gốc nào, mới trả được 2.500.000 đồng tiền lãi.

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2022 có nội dung thể hiện: Ngày 08/01/2022 anh G vay của anh B số tiền 8.000.000 đồng, hạn thanh toán đến ngày 16/12/2021 (âm lịch), không thỏa thuận về lãi suất. Đối với khoản vay này anh G đến nhà anh B vay một mình, khi vay anh G có đưa cho anh B một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00176QSDĐ/585/2002/QĐ-UB/H ngày 15/7/2002 mang tên hộ ông Dương Minh G để làm tin.

Đến thời hạn thanh toán vợ chồng anh G chưa trả được số tiền vay theo thỏa thuận. Sau đó anh B đã đòi vợ chồng anh G nhiều lần nhưng vợ chồng anh G không trả. Anh B xác nhận vợ chồng anh G từ thời điểm vay đến ngày 20/7/2022 mới trả được số tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 2.500.000 đồng, số tiền gốc và lãi là 15.900.000 đồng chưa trả. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giao dịch do nguyên đơn và bị đơn xác lập ngày 04/02/2021 và ngày 08/01/2022 là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và có hiệu lực đối với các bên.

*2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn Anh Dương Văn B, thấy:*

- Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc:

Quá trình giải quyết giữa anh B và vợ chồng anh G, chị H đều xác định số tiền nợ gốc đối với cả hai hợp đồng ngày 04/02/2021 là 20.000.000 đồng và ngày 08/01/2022 là 8.000.000 đồng, tổng cộng anh G, chị H còn nợ anh B là 28.000.000 đồng và vợ chồng anh G đều xác định có trách nhiệm sẽ trả anh B vào ngày 20/7/2022.

- Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi: Quá trình giải quyết phía nguyên đơn cũng như bị đơn đã thống nhất và tính khoản lãi theo thỏa thuận là 1,5%/tháng đối với khoản vay 20.000.000 đồng kể từ ngày 04/02/2021 đến hết tháng 7 năm 2022, cụ thể số tiền lãi là 20.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 18 tháng là 5.400.000 đồng, vợ chồng anh G đã trả anh B được số tiền lãi là 2.500.000 đồng, còn 2.900.000 đồng tiền lãi. Đối với khoản tiền vay số tiền 8.000.000 đồng anh B không yêu cầu vợ chồng anh G trả lãi. Xét thấy việc thỏa thuận trả số tiền lãi giữa các bên là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả lãi của anh B.

Quá trình giải quyết các bên thống nhất thỏa thuận số ngày trả tiền nợ gốc 28.000.000 đồng và tiền lãi là 2.900.000 đồng, tổng cộng là 30.900.000 đồng vợ chồng anh G, chị H sẽ có trách nhiệm trả anh B vào ngày 20/7/2022. Tuy nhiên đến ngày 19/7/2022 vợ chồng anh G mới trả anh B được số tiền gốc là 15.000.000 đồng, còn số tiền gốc 13.000.000 đồng, lãi 2.900.000 đồng đến nay vẫn chưa trả anh B.

Tại phiên tòa anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng anh G, chị H phải trả anh số tiền gốc còn nợ là 13.000.000 đồng và tiền lãi là 2.900.000 đồng, tổng số tiền là 15.900.000 đồng.

Như vậy, đến nay anh G, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay theo quy định tại Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Dương Văn B là có căn cứ, cần được chấp nhận. Buộc anh G, chị H có trách nhiệm trả cho Anh Dương Văn B số tiền nợ gốc là 13.000.000 đồng và tiền lãi là 2.900.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 15.900.000 đồng.

*2.3. Xét ý kiến của bị đơn, thấy:*

Quá trình giải quyết vợ chồng anh G, chị H xác định vợ chồng anh chị còn nợ anh B tổng số tiền gốc đã vay làm hai lần là 28.000.000 đồng. Giữa vợ chồng anh chị và anh B xác định khoản vay 20.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 04/02/2021 đã thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, anh B yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền lãi suất là 20.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 18 tháng (tính đến hết tháng 7 năm 2022) = 5.400.000 đồng, anh chị đã trả lãi 2.500.000 đồng số tiền lãi phải trả còn lại là 2.900.000 đồng, anh chị nhất trí trả. Vợ chồng anh đều xác định đến ngày 20/7/2022 sẽ trả anh B đủ cả gốc và lãi với tổng số tiền là 30.900.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 19/7/2022 anh G đã thanh toán trả anh B được số tiền 15.000.000 đồng tiền gốc còn 15.900.000 đồng anh hẹn đến ngày 20/8/2022 vợ chồng anh sẽ trả anh B đầy đủ. Nhưng đến nay anh G, chị H vẫn

chưa trả anh B. Vì vậy, anh G, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay. Do đó, cần buộc anh G, chị H phải thanh toán trả anh B số tiền gốc là 13.000.000 đồng và lãi là 2.900.000 đồng, tổng cộng là 15.900.000 đồng.

*2.4.* Về việc Anh Dương Văn B đã cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Anh Dương Minh G để làm tin khi anh G vay số tiền 8.000.000 đồng của anh B: Hội đồng xét xử thấy rằng anh B đã cầm cố của anh G 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin đối với khoản cho vay 8.000.000 đồng. Tuy nhiên việc thực hiện cầm cố tài sản không đúng quy định pháp luật. Do đó cần buộc anh B phải trả lại Anh Dương Minh G 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00176/QSDĐ/585/2002/QĐ-UB/H ngày 15/7/2002 mang tên hộ ông Dương Minh G.

**[3]** Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào ngân sách nhà nước.

**[4]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự. Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Dương Văn B.

- Buộc Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H phải có trách nhiệm trả cho Anh Dương Văn B số tiền gốc là: 13.000.000đồng *(Mười ba triệu đồng)* và tiền lãi là 2.900.000 đồng *(Hai triệu chín trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H phải thanh toán trả cho Anh Dương Văn B là 15.900.000 đồng *(Mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Anh Dương Văn B có trách nhiệm trả Anh Dương Minh G 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00176/QSDĐ/585/2002/QĐ-UB/H ngày 15/7/2002 mang tên hộ ông Dương Minh G.

**2.Về án phí Dân sự sơ thẩm:**.

- Anh Dương Minh G và chị Dương Thị H phải chịu 795.000 đồng *(Bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

- Anh Dương Văn B được hoàn lại số tiền 720.000 đồng *(Bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002831 ngày 23/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn (Anh Dương Văn B). Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt các bị đơn (Anh Dương Minh G, chị Dương Thị H), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Giang**